TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/LĐ-PT
Ngày: 26-01-2024
"V/v tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 15/2023/TLPT-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2023/LĐ-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐ-PT ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bà Võ Thị Hai N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

4. Bà Trần Thị Thúy O, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

5. Ông Phan Hoàng S, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà N, ông H, bà O, ông S: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An (theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 01/04/2022) (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Q (sau đây gọi là Công ty).

Địa chỉ: Lô H, đường số A, KCN T mở rộng, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ZHU YUN HAO – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Hồ Ngọc N1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Lô H, đường số A, KCN T mở rộng, xã L, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, Công ty TNHH Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện cùng ngày 02/11/2022 của các nguyên đơn, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S trình bày như sau:

Ngày 01/3/2022, ông Trần Văn Đ và Công ty TNHH Q ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động có thời hạn đến ngày 31/12/2022, công việc công nhân sản xuất, thời gian làm việc 08 giờ/ngày (làm việc từ thứ 2 đến thứ 7), mức lương chính là 4.650.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe, nhà trọ, điện thoại 1.530.000 đồng, thưởng hiệu suất 600.000 đồng, thưởng chuyên cần 500.000 đồng, tổng lương là 7.280.000 đồng.

Ngày 01/3/2022, bà Võ Thị Hai N và Công ty TNHH Q ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động có thời hạn đến ngày 31/12/2022, công việc công nhân sản xuất, thời gian làm việc 08 giờ/ngày (làm việc từ thứ 2 đến thứ 7), mức lương chính là 4.650.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe, nhà trọ, điện thoại 1.330.000 đồng, thưởng hiệu suất 500.000 đồng, thưởng chuyên cần 500.000 đồng, tổng lương là 6.980.000 đồng.

Ngày 24/02/2022, ông Lê Văn H và Công ty TNHH Q ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động có thời hạn đến ngày 23/3/2023, thời gian thử việc một tháng từ ngày 24/02/2023 đến ngày 23/3/2022, chính thức từ ngày 24/3/2023, công việc công nhân sản xuất, thời gian làm việc 08 giờ/ngày (làm việc từ thứ 2 đến thứ 7), mức lương chính là 4.650.000 đồng/tháng phụ cấp xăng xe, nhà trọ, điện thoại 1.330.000 đồng, thưởng hiệu suất 500.000 đồng, thưởng chuyên cần 500.000 đồng, tổng lương là 6.980.000 đồng.

Ngày 01/02/2022, bà Trần Thị Thúy O và Công ty TNHH Q ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động có thời hạn đến ngày 31/12/2022, công việc công nhân sản xuất, thời gian làm việc 08 giờ/ngày (làm việc từ thứ 2 đến thứ 7), mức lương chính là 4.650.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe, nhà trọ, điện thoại 1.330.000 đồng, thưởng hiệu suất 500.000 đồng, thưởng chuyên cần 500.000 đồng,

tổng lương là 6.980.000 đồng.

Ngày 01/3/2022, ông Phan Hoàng S và Công ty TNHH Q ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động có thời hạn đến ngày 31/12/2022, công việc công nhân sản xuất, thời gian làm việc 08 giờ/ngày (làm việc từ thứ 2 đến thứ 7), mức lương chính là 4.650.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe, nhà trọ, điện thoại 1.330.000 đồng, thưởng hiệu suất 500.000 đồng, thưởng chuyên cần 500.000 đồng, tổng lương là 6.980.000 đồng.

Quá trình làm việc đến ngày 19/8/2022 phía Công ty có cử cán bộ xuống thông báo về việc cắt giảm lao động trong đó có 5 nguyên đơn đến ngày 22/8/2022 thì không cho các nguyên đơn vào làm việc, đến ngày 03/10/2022 thì Công ty ban hành quyết định thôi việc cho các nguyên đơn. Công ty ban hành quyết định thôi việc cho người lao động vi phạm các điểm sau: Không thực hiện công khai Phương án sử dụng trong vòng 15 ngày cho người lao động (vi phạm khoản 2 Điều 44 của Bộ luật Lao động); Không gửi phương án cho người lao động trong thời hạn 30 ngày (theo khoản 6 Điều 42 của Bộ luật Lao động) mà chỉ gửi phương án cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh L, tổng cộng từ khi công khai phương án sử dụng lao động đến ngày cho người lao động nghỉ việc phải đủ 45 ngày; Không tổ chức đối thoại trực tiếp với người lao động theo quy định (vi phạm Điều 63 của Bộ luật Lao động và các điều 37, 38, 39, 40, 41 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP); Không hỏi ý kiến lao động nữ khi cho thôi việc ảnh hưởng trực tiếp đến họ, tại biên bản làm việc với Công đoàn khu Công nghiệp thì bà Võng Vĩnh B cũng xác định bà N1 chỉ yêu cầu các tổ trưởng thông báo việc cắt giảm lao động, công ty chỉ tổ chức họp với một nhóm nhỏ cán bộ của Công ty (xưởng trưởng trở lên), sau đó yêu cầu xưởng trưởng và cán bộ nhân sự thông báo cho người lao động; Ban hành quyết định cho thôi việc sai luật (quyết định cho người lao động thôi viêc vì "có đơn thôi việc" khi người lao động không làm đơn; Công ty C), đại diện công ty không thể đổ lỗi cho việc nhân viên làm sai mà không chịu trách nhiệm, việc nhân viên làm sai thì đại diện của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm; Công ty C vì lý do "kinh tế" theo khoản 1 Điều 42 là sai quy định; Công ty cố ý làm sai lệch hồ sơ để đối phó với cơ quan chức năng và người lao động (có 2 biên bản họp cùng số 47 nhưng ngày giờ khác nhau trong cùng 1 bộ P sử dụng lao động – gửi cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Công đoàn các khu công nghiệp 1 biên bản, gửi cho Tòa án 1 biên bản khác); Bà Trần Tiểu M vừa là người tham dự cuộc họp với tư cách là đại diện người lao động, tại phiên tòa ngày 14/7/2023 bà M lại tham gia với tư cách là người làm chứng, khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bà Trần Tiểu M lại là người đại diện theo pháp luật của Công ty N2 là không khách quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh T xác định yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn như sau: Ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S yêu cầu công ty Q bồi thường tiền công lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, của mỗi người, tạm tính là: Tiền lương cho những ngày không được làm việc từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 7 năm 2023 là 10 tháng x 4.650.000 đồng =46.500.000 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày không được làm việc

trong 10 tháng là 46.500.000 đồng x 21,5% = 9.997.500 đồng. Trả thêm khoản tiền 02 tháng tiền lương (theo khoản 1 Điều 41) theo hợp đồng lao động là 9.300.000 đồng. Thanh toán những ngày không được báo trước là: 4.650.000 đồng – 3.938.000 đồng = 712.000 đồng. Bồi thường 02 tháng tiền lương (theo khoản 3 Điều 41) theo hợp đồng lao động là 9.300.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu phải bồi thường tạm tính là 75.809.500 đồng và tiếp tục bồi thường tiền lương (theo hợp đồng lao động là 4.650.000 đồng) cho những ngày không được làm việc cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tổng cộng 5 người là 379.047.500 đồng. Tại đơn đề nghị thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 11/4/2023 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là rút yêu cầu đối với phần tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày không được làm việc từ ngày 22/8/2022 đến ngày 01/10/2022 là 62 ngày là 11.090.000 đồng x 20,5% = 2.274.000 đồng. Nay bà xác định đơn ngày 11/4/2023 ghi đề nghị rút đơn từ ngày 22/8/2022 đến ngày 01/11/2022 là ghi nhầm lẫn về ngày tháng. Nay bà xác định do Công ty đóng bảo hiểm cho người lao động hết tháng 9 năm 2022 nên bà chỉ rút yêu cầu phần tiền Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày không được làm việc từ 22/8/2022 đến 01/10/2022 là 40 ngày.

Bị đơn Công ty TNHH Q do bà Phan Hồ Ngọc N1 đại diện trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu và trình bày của đại diện nguyên đơn với các lý do. Thứ nhất: Về nội dung trong quyết định chấp dứt hợp đồng lao động ghi theo đơn thôi việc là sự nhầm lẫn của công ty vì lý do cán bộ nhân sự của công ty giai đoạn đó thường xuyên thay đổi nên không nắm bắt được hồ sơ dẫn đến nhầm lẫn. Thứ hai: Phía nguyên đơn cho rằng công ty không thông báo cho người lao động phương án cắt giảm nhân sự là không đúng. Vì thời điểm tháng 6-8/2022 thì tình hình kinh tế công ty K, đơn hàng giảm mạnh trong các buổi trao đổi hàng tuần thì lãnh đạo công ty đều có thông báo đến người lao động, nên người lao động đều biết tình hình của công ty lúc đó. Khi công ty L cắt giảm nhân sự có thông báo đến các tổ trưởng, xưởng trưởng (có biên bản làm việc và các tài liệu đã nộp cho Tòa án), có lấy ý kiến của người lao động do các tổ trưởng và xưởng trưởng thực hiện từ ngày 12/8/2022 do đó nguyên đơn nêu công ty không thông báo là không đúng. Thứ ba: Đối với 05 nguyên đơn phía công ty vẫn thanh toán tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ đến hết tháng 9/2022 cho người lao động. Công ty đã chốt và trả bàn giao sổ bảo hiểm trước ngày 01/11/2022 cho các nguyên đơn. Thứ tư: Nguyên đơn cho rằng công ty C1 hợp đồng với phương án là thay đổi cơ cấu là không đúng, vì công ty không thay đổi cơ cấu mà do suy thoái về kinh tế của công ty do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid19, vì khi công ty thành lập là thời điểm dịch bệnh bùng phát nên công ty không có đơn hàng. Việc bà M hiện nay là đại diện theo pháp luật của công ty thì hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có quy định cấm một người làm việc trước đây là nhân viên sau đó làm đại diện theo pháp luật và thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động thì lúc này bà M chỉ là nhân viên của công ty, thời điểm các nguyên đơn khởi kiện thì bà M được thuê làm đại diện theo pháp luật là đúng quy định, tại phiên tòa bị đơn đề nghị triệu tập bà M là người làm chứng vì thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với các nguyên đơn thì

bà M chứng kiến việc lấy ý kiến của người lao động. Nguyên đơn cho rằng chưa có văn bản nào kết luận tình hình kinh tế của Việt Nam bị khủng hoảng suy thoái kinh tế do đó công ty lấy lý do suy thoái kinh tế là không đúng là không phù hợp vì việc suy thoái kinh tế là suy thoái riêng của từng Công ty chứ không phải suy thoái kinh tế chung của cả nền kinh tế nước Việt Nam. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đồng ý bồi thường cho người lao động tiền lương từ ngày 20/9/2022 đến ngày 03/10/2022 làm tròn là ½ tháng lương theo hợp đồng với số tiền là 2.325.000 đồng, số tiền này là luôn tiền bảo hiểm. Công ty chốt lương cho người lao động đến ngày 20/9/2022 là thực hiện theo phương án sử dụng lao động của công ty. Còn việc Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 03/10/2022 là do ngày 30/9/2022, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh L mới có công văn số 5050/SLĐTBXH-LĐVL& GDNN yêu cầu Công ty thực hiện từ ngày 03/10/2022. Do đó, đến ngày 03/10/2022 phía Công ty mới ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 01/2023/LĐ-ST ngày 02-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã xử:

"Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 219, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 13, Điều 14, Điều 20, Điều 21, Điều 23, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 42, Điều 44, Điều 99, Điều 190 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào Điều 37, Điều 38, Điều 41 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S với bị đơn Công ty TNHH Q đối với yêu cầu phần tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày không được làm việc từ ngày 22/8/2022 đến ngày 01/10/2022 là 40 ngày số tiền là 6.200.000 đồng x 20,5% = 1.271.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S với bị đơn Công ty TNHH Q đối với yêu cầu tiền lương và tiền bảo hiểm ½ tháng lương là 2.325.000 đồng.

Buộc Công ty TNHH Q trả cho ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S mỗi người 2.325.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S với bị đơn Công ty TNHH Q đối với yêu cầu tiền lương cho những ngày không được làm việc từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 7 năm 2022 số tiền là 46.500.000 đồng; Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày không được làm việc của 10 tháng là 9.997.500 đồng. Trả thêm khoản tiền 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 9.300.000 đồng. Thanh toán những ngày không được báo trước là 712.000 đồng. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 9.300.000 đồng. Tổng cộng 5 người là 379.047.500 đồng.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH Q phải nộp 1.500.000 đồng án phí. Miễn án phí cho các nguyên đơn.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 14-8-2023, các nguyên đơn nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, các nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền bị đơn thống nhất thỏa thuận: Công ty TNHH Q sẽ bồi thường cho các nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S mỗi nguyên đơn 2,5 tháng tiền lương với số tiền là 11.625.000 đồng. Về án phí bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ. Các nguyên đơn xác định thống nhất số tiền bồi thường mà các bên đã thỏa thuận nêu trên và cam kết không còn tranh chấp và yêu cầu gì khác đối với việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đã tự thực hiện xong việc giao nhận tiền. Xét thấy, việc thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền bị đơn thống nhất thỏa thuận:

[2.1] Bị đơn Công ty TNHH Q sẽ bồi thường cho các nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S mỗi người 2,5 tháng tiền lương với số tiền là 11.625.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải bồi thường cho các nguyên đơn là 58.125.000 đồng.

[2.2] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Q tự nguyện chịu toàn bộ.

[3] Sự thỏa thuận của hai bên đương sự được nêu tại mục [2] là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Q phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải bồi thường cho các nguyên đơn.

[6] Về án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Q phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Q.

Sửa bản án lao động sơ thẩm số 01/2023/LĐ-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 14, Điều 20, Điều 21, Điều 23, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 42, Điều 44, Điều 99, Điều 190 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 37, Điều 38, Điều 41 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn Công ty TNHH Q có trách nhiệm bồi thường cho các nguyên đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Hai N, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Thúy O, ông Phan Hoàng S mỗi người số tiền là 11.625.000 đồng (mười một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng số tiền bị đơn phải bồi thường cho các nguyên đơn là 58.125.000 đồng (năm mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Q phải chịu 1.743.750 đồng (một triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Buộc bị đơn Công ty TNHH Q phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Các nguyên đơn không phải chịu án phí.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 26-01-2024.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
-Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy